

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 350/2020/DS-PT
Ngày 21-12-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt
Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2020/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2020/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 158/2020/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị H, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Mai P, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp X1, xã B1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Võ Minh D, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: ấp X2, xã Y1, thành phố B2, tỉnh Bến Tre.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Võ Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:

Vào ngày 18/6/2020, bà cho chị P vay 800.000.000 đồng, khi cho vay có làm

giấy biên nhận, vay không lãi suất, tuy nhiên hai bên có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 4,5%/tháng, thời hạn thanh toán là ngày 25/6/2020, mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng chị P không đóng tiền lãi và cũng không trả tiền nợ gốc cho bà H, bà H nhiều lần yêu cầu chị P trả tiền nợ gốc nhưng chị P vẫn không trả.

Nay, bà H yêu cầu Tòa án buộc chị P và anh D là chồng chị P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H 800.000.000 đồng tiền gốc và yêu cầu trả tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn chị Phạm Thị Mai P trình bày:

Vào ngày 18/6/2020, chị có vay của bà H 800.000.000 đồng, khi vay có làm giấy biên nhận, vay không lãi suất, tuy nhiên hai bên có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 4,5%/tháng, thời hạn thanh toán là ngày 25/6/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng do chị làm ăn thua lỗ nên chị không có tiền để trả tiền lãi và tiền nợ gốc cho bà H, hiện nay chị vẫn còn nợ bà H 800.000.000 đồng tiền gốc.

Khi vay tiền của bà H chị nói là để đáo hạn ngân hàng, tuy nhiên thực chất là vay tiền để trả nợ cho người khác. Khi vay tiền của bà H thì chỉ có một mình chị vay, anh D là chồng chị không biết số tiền này, đây là nợ riêng của chị, chị không sử dụng số tiền này nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Nay bà H yêu cầu chị trả 800.000.000 đồng tiền gốc và trả tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ án chị đồng ý trả, nhưng khi nào chị bán đất được sẽ trả tiền cho bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Minh D trình bày:

Anh là chồng của chị P, chị P vay tiền của bà H anh không biết, anh không có ký vào giấy nợ, anh cũng không sử dụng số tiền trên, đây là nợ riêng của chị P. Nay bà H yêu cầu anh có nghĩa vụ liên đới cùng chị P trả nợ cho bà H 800.000.000 đồng và trả tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ án thì anh không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 280, 288, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 30 và 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H đối với chị Phạm Thị Mai P.

Buộc chị Phạm Thị Mai P có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị H 841.333.000 đồng (Tám trăm bốn mươi một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H về việc yêu cầu anh Võ Minh D cùng chị Phạm Thị Mai P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị H 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng tiền nợ gốc và trả tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2020, nguyên đơn bà Võ Thị H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc anh Võ Minh D có nghĩa vụ liên đới cùng chị Phạm Thị Mai P trả lại cho bà số tiền 800.000.000 đồng, chứng cứ kèm theo là 02 tin nhắn trả nợ cho chồng của chị P.

Ngày 09/10/2020, bà Võ Thị H có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, với lý do bà Phạm Thị Mai P có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H xin rút lại đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, với lý do là bà có gửi đơn gửi qua Công an tỉnh đề nghị giải quyết về hình sự nhưng Công an không nhận hồ sơ, do đó bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị buộc anh D phải liên đới trách nhiệm trả nợ với chị P; bị đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo của nguyên đơn, các bên đương sự không tự thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án.

Quan điểm của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Võ Thị H yêu cầu bị đơn chị Phạm Thị Mai P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Minh D có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số nợ vay là 800.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay đến khi giải quyết xong vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P thừa nhận có nợ bà H số tiền 800.000.000 đồng và đồng ý trả lãi phát sinh cho bà H, nhưng chị chỉ đồng ý trả một mình, không đồng ý liên đới trách nhiệm với anh D vì anh D không có liên quan gì đến số nợ của chị với bà H.

[2] Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là biên nhận vay tiền đề ngày 18/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án chị P thừa nhận biên nhận vay tiền do bà H cung cấp là chữ ký và chữ viết của chị P và số nợ 800.000.000 đồng, nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu chị P trả số tiền là 800.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu tính lãi trên số tiền vay theo quy định của pháp luật từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền lãi là 41.333.000 đồng là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu buộc trách nhiệm liên đới trả nợ của anh D đối với số nợ của chị P:

Tại khoản 2 Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 có quy định, vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Nhận thấy, mặc dù thời điểm vay nợ chị P và anh D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thới, huyện B. Nhưng theo biên nhận vay tiền đề ngày 18/6/2020 thì anh D là chồng chị P không ký kết hợp đồng vay tiền với bà H. Đối với 02 mẫu tin nhắn do bà H cung cấp cũng không chứng minh được anh D biết việc chị P vay tiền hoặc dùng tiền vào mục đích phát triển kinh tế chung hoặc phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên không có cơ sở để xem xét trách nhiệm liên đới trả nợ của anh D đối với số nợ của chị P. Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí là 300.000 đồng, nhưng do bà H là người cao tuổi nên được miễn, hoàn lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị H.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 50/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 280, 288, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 30 và 37 Luật

Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H đối với chị Phạm Thị Mai P.

Buộc chị Phạm Thị Mai P có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị H số tiền là 841.333.000 (Tám trăm bốn mươi một triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn) đồng, trong đó nợ gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi là 41.333.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H về việc yêu cầu anh Võ Minh D cùng chị Phạm Thị Mai P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị H số nợ gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ án.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Phạm Thị Mai P phải chịu án phí là 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng.

Bà Võ Thị H không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000 (mười tám triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000812 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị H được miễn. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001869 ngày 21/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Bình Đại ;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại ;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng